

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4160** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **18** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính,

đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN	
CV	Số:
ĐƠN	Ngày: 18 tháng 12 năm...
	Chuyên: A. Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

Căn cứ Công văn số 5931/BNV-TCBC ngày 04/12/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của tỉnh Thái Nguyên năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức hành chính: **2.008** biên chế. Phân bổ như sau:
 - a) Cấp tỉnh: 1.151 biên chế.
 - b) Cấp huyện: 857 biên chế.

2. Tổng số biên chế sự nghiệp: **26.216** biên chế. Phân bổ như sau:

a) Cấp tỉnh: **8.890** biên chế, bao gồm:

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 2.826 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp y tế: 4.813 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 326 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp khác: 925 biên chế.

b) Cấp huyện: **17.326** biên chế, bao gồm:

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 16.665 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 145 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp khác: 516 biên chế.

3. Tổng số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **523** hợp đồng.
Phân bổ như sau:

a) Cấp tỉnh: 428 hợp đồng. Trong đó:

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 186 hợp đồng.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp: 242 hợp đồng.

b) Cấp huyện: 95 hợp đồng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 39 hợp đồng.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp: 56 hợp đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019, như sau:

1. Tổng số biên chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù: **110** biên chế. Phân bổ như sau:

- Biên chế tại hội có tính chất đặc thù: 73 biên chế.
- Biên chế tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: 37 biên chế.

2. Tổng số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù: **11** hợp đồng. Phân bổ như sau:

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại hội có tính chất đặc thù: 08 hợp đồng.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: 03 hợp đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

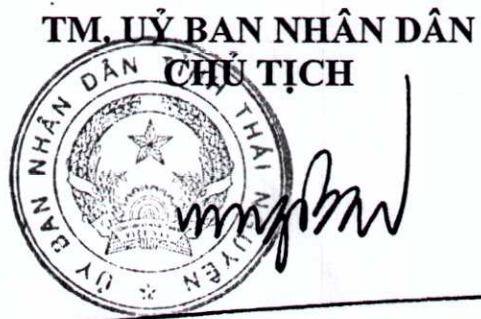
1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao theo đúng quy định.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn và bố trí kinh phí đáp ứng biên chế, hợp đồng được giao đối với các cơ quan, đơn vị kể từ ngày 01/01/2019 (trừ biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */s/*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nội vụ (2b);
 - Sở Tài chính (2b);
 - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - LĐVP: Đ/c Trường, Đ/c Tôn;
 - Lưu: VT, NC, HCTC, QTTV.
- Taint\QuyetDinh.68b. *Za*



Vũ Hồng Bắc

PHỤ LỤC 18

CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HỢP ĐỒNG NĂM 2019

của Sở Giáo dục và Đào tạo

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4160/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Tổng số:	2.274
Trong đó:	
- Biên chế công chức hành chính	52
- Biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.192
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại cơ quan hành chính	4
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp	26

Số: 08 /QĐ-SGDĐT

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Giao chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của tỉnh Thái Nguyên năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2019 cho 31 đơn vị trực thuộc Sở (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này được thực hiện từ ngày 01/01/2019.

Điều 3. Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (th/hiện);
- Lưu TCCB, VT.



Phạm Việt Đức

PHỤ LỤC

GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HĐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2019

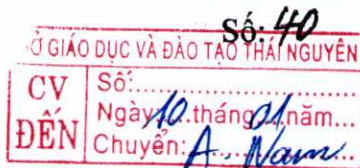
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-SGDĐT ngày 04 /01/2019 của Sở GDĐT)



TT	Đơn vị	Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP
1	THPT Định Hóa	95	
2	THPT Bình Yên	57	
3	THPT Phú Lương	106	
4	THPT Yên Ninh	37	
5	THPT Khánh Hòa	62	
6	THPT Đại Từ	107	
7	THPT Nguyễn Huệ	97	
8	THPT Lưu Nhân Chú	69	
9	THPT Võ Nhai	54	
10	THPT Hoàng Quốc Việt	56	
11	THPT Trần Phú	36	
12	THPT Đồng Hỷ	106	
13	THPT Trần Quốc Tuấn	49	
14	THPT Trại Cau	47	
15	THPT Phú Bình	92	
16	THPT Lương Phú	75	
17	THPT Diêm Thụy	77	
18	THPT Lê Hồng Phong	104	
19	THPT Phổ Yên	63	
20	THPT Bắc Sơn	66	
21	THPT Lý Nam Đế	34	
22	THPT Sông Công	74	
23	THPT Lương Ngọc Quyến	106	
24	THPT Chu Văn An	61	
25	THPT Gang Thép	77	
26	THPT Ngô Quyền	76	
27	THPT Dương Tụ Minh	53	
28	THPT Chuyên Thái Nguyên	127	
29	DTNT tỉnh	43	12
30	GDTX	46	2
31	TETT	40	12
	Cộng	2192	26

Handwritten signature/initials.



Thái Nguyên, ngày 05 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức năm 2017 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2018, như sau:

1. Tổng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **29.752**, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: **2.160** biên chế.
- Biên chế sự nghiệp: **27.023** biên chế.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **569** hợp đồng.

2. Phân bổ biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP như sau:

a) *Cấp tỉnh:*

Tổng số: **11.165** biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: **1.281** biên chế.

- Biên chế sự nghiệp: **9.362**, bao gồm:
 - + Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 3.039 biên chế.
 - + Sự nghiệp y tế: 4.951 biên chế.
 - + Sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 344 biên chế.
 - + Sự nghiệp khác: 1.028 biên chế.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **522**, bao gồm:
 - + Hợp đồng trong cơ quan hành chính: 207 hợp đồng.
 - + Hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp: 315 hợp đồng.

b) Cấp huyện:

Tổng số: **18.587** biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: **879** biên chế.
- Biên chế sự nghiệp: **17.661**, bao gồm:
 - + Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 16.963 biên chế.
 - + Sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 148 biên chế.
 - + Sự nghiệp khác: 550 biên chế.
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **47**, bao gồm:
 - + Hợp đồng trong cơ quan hành chính: 39 hợp đồng.
 - + Hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp: 08 hợp đồng.

(Có Phụ lục chi tiết của các cơ quan, đơn vị kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao theo đúng quy định.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn và bố trí kinh phí đáp ứng biên chế và hợp đồng được giao đối với các cơ quan, đơn vị kể từ ngày 01/01/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *24*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (3b);
- Sở Tài chính (3b);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- LĐVP: Đ/c Trưởng, Đ/c Linh;
- Lưu: VT, NC, HCTC, QTTV.

Taint/QuyếtĐinh.66b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

PHỤ LỤC 20



CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HỢP ĐỒNG NĂM 2018

của Sở Giáo dục và Đào tạo

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2018
của UBND tỉnh)*

Tổng số:	2.522
Trong đó:	
- Biên chế công chức hành chính	53
- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo	2.389
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại cơ quan hành chính	4
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp	76



Người ký: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Email:
vanthu.ubnd@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 23.07.2018
16:27:20 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *246* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *18* tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo,
hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, định mức khoán
theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh,
giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIII, Kỳ họp thứ 6, về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh chuyển các trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân các huyện quản lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, định mức khoán theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên và UBND các huyện, kể từ ngày 01/7/2018, cụ thể như sau:

1. Giảm 140 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 49 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 420 định mức khoán của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (tại các trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông);

2. Tăng 27 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 09 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 80 định mức khoán của UBND huyện Định Hóa (để phân bổ cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa);

3. Tăng 30 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 10 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 85 định mức khoán của UBND huyện Võ Nhai (để phân bổ cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm);

4. Tăng 27 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 10 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 85 định mức khoán của UBND huyện Đại Từ (để phân bổ cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Đại Từ);

5. Tăng 28 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 10 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 85 định mức khoán của UBND huyện Phú Lương (để phân bổ cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương);

6. Tăng 28 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 10 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 85 định mức khoán của UBND huyện Đồng Hỷ (để phân bổ cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Đồng Hỷ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ có trách nhiệm quản lý và sử dụng biên chế viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, định mức khoán theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh theo đúng quy định.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn và bố trí nguồn kinh phí đáp ứng biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, định mức khoán theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị kể từ ngày 01/7/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện: Định Hóa, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

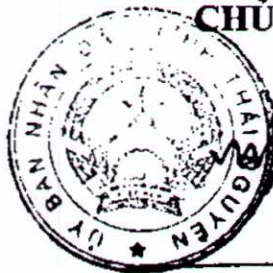
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- LĐVP: Đ/c Trường, Đ/c Linh;
- Lưu: VT, NC.

Taint/QuyetDinh.20b.

luh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc



Người ký: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Email: vanthu.ubnd@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 14.06.2018 07:30:35
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1607* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *14* tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Giao giảm biên chế công chức hành chính năm 2018; tách biên chế sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các hội có tính chất đặc thù và tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự bảo đảm về chi thường xuyên của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Thực hiện Văn bản số 6992/BNV-TCBC ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Văn bản số 149/HĐND-VP ngày 24/5/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thống nhất điều chỉnh biên chế và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao giảm 07 biên chế công chức hành chính năm 2018 đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Thái Nguyên, kể từ ngày 01/6/2018 (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tách biên chế sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các hội có tính chất đặc thù và tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự bảo đảm về chi thường xuyên của tỉnh Thái Nguyên kể từ ngày 01/6/2018, cụ thể như sau:

1. Tách 73 biên chế tại các hội có tính chất đặc thù trong tổng số biên chế sự nghiệp năm 2018 thành mục riêng về biên chế hội để quản lý theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Tách 31 biên chế tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trong tổng số biên chế sự nghiệp năm 2018 thành mục biên chế tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để quản lý riêng.

3. Tách 08 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các hội có tính chất đặc thù trong tổng số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã giao năm 2018 thành mục riêng về hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các hội.

4. Tách 01 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thành mục riêng về hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để quản lý riêng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo).

Điều 3. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nội vụ (2b);
 - Sở Tài chính (2b);
 - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - LĐVP: Đ/c Trưởng;
 - Lưu: VT, NC.
- Taint\QuyếtĐinh.35b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

**BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH
TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: *1607* /QĐ-UBND ngày *12* /6/2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế công chức điều chỉnh giảm
	Tổng số	7
1	Sở Nội vụ	1
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	1
3	Sở Xây dựng	1
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1
5	UBND thị xã Phổ Yên	1
6	UBND huyện Định Hoá	1
7	UBND thành phố Thái Nguyên	1

* **Ghi chú:** Số biên chế giảm này được tính vào chỉ tiêu giảm biên chế năm 2019 của các cơ quan, đơn vị./.

12

**BIỂU CHI TIẾT TÁCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, HỢP ĐỒNG
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP TẠI CÁC HỘI
CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Quyết định số: *1604* /QĐ-UBND ngày *12*/6/2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế hội	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại hội
	Tổng số:	73	8
I.	Các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh	55	8
1	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	10	1
2	Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên	12	1
3	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	10	1
4	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên	6	2
5	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	3	-
6	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	14	3
II.	Các hội có tính chất đặc thù cấp huyện	18	-
1	Hội Chữ thập đỏ huyện Đồng Hỷ	2	-
2	Hội Chữ thập đỏ huyện Võ Nhai	3	
3	Hội Chữ thập đỏ huyện Đại Từ	3	-
4	Hội Chữ thập đỏ thị xã Phổ Yên	2	-
5	Hội Chữ thập đỏ thành phố Thái Nguyên	2	-
6	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Lương	2	-
7	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Bình	3	-
8	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Hóa	1	-

**BIỂU CHI TIẾT TÁCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, HỢP ĐỒNG
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN**

*(Kèm theo Quyết định số: 1604/QĐ-UBND ngày 12/6/2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên
	Tổng số	31	1
1	Sở Xây dựng	22	-
1.1	Viện Quy hoạch Xây dựng Thái Nguyên	12	-
1.2	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên	10	-
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	9	-
2.1	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	9	1

THÁI NGUYÊN

Số: 21 /QĐ-SGDĐT

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Giao chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2018 cho 39 đơn vị trực thuộc Sở (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này được thực hiện từ ngày 01/01/2018.

Điều 3. Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (th/hiện);
- Lưu TCCB, VT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Đức

PHỤ LỤC
GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HĐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2018
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-SGDĐT ngày 15 /01/2018 của Sở GDĐT)

TT	Đơn vị	Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP
1	THPT Định Hoá	99	
2	THPT Bình Yên	83	9
3	THPT Yên Ninh	41	
4	THPT Phú Lương	105	
5	THPT Khánh Hoà	64	
6	THPT Lưu Nhân Chú	71	
7	THPT Nguyễn Huệ	98	
8	THPT Đại Từ	111	
9	THPT Hoàng Quốc Việt	51	
10	THPT Võ Nhai	63	
11	THPT Trần Phú	43	
12	THPT Trần Quốc Tuấn	51	
13	THPT Trại Cau	46	
14	THPT Đồng Hỷ	107	
15	THPT Dương Tự Minh	54	
16	THPT Chuyên	128	
17	THPT Lương Ngọc Quyến	104	
18	THPT Ngô Quyền	77	
19	THPT Gang Thép	76	
20	THPT Chu Văn An	60	
21	THPT Sông Công	76	
22	THPT Lê Hồng Phong	107	
23	THPT Phổ Yên	69	
24	THPT Bắc Sơn	71	
25	THPT Lý Nam Đế	26	
26	THPT Phú Bình	98	
27	THPT Lương Phú	77	
28	THPT Diêm Thụy	78	
29	TT GDTX tỉnh TN	20	2
30	TT KTTH-HN tỉnh TN	33	
31	GD&HT trẻ em bị thiệt thòi	41	12
32	PTDTNT Thái Nguyên	43	13
33	PTDTNT Nguyễn Bình Khiêm	31	10
34	PTDTNT THCS Đại Từ	28	10
35	PTDTNT THCS Phú Lương	28	10
36	PTDTNT THCS Đồng Hỷ	28	10
37	THPT Tức Tranh	1	
38	THPT Đội Cấn	1	
39	THPT Đào Xá	1	
	Tổng toàn ngành	2389	76

Handwritten signature